

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2018/HS-ST
Ngày 18-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Rmah HThuyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Doãn Thị Lê
2. Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hoàn-Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Trần Hồ Hoàng H, sinh năm 1987, tại Tây Ninh.

Nơi ĐKKHKT: Ấp A4, xã Phước M, huyện Dương Minh C, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay: Thôn 02, xã Trà Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Hồ Thị Thủy T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29 tháng 9 năm 2006, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Tân P, thành phố Hồ Chí Minh xét xử và tuyên phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Hình sự năm 1999 đến ngày 25 tháng 10 năm 2007 được đặc xá ra trại về địa phương sinh sống. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2017 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Chị Châu Bảo H, sinh năm 1993; trú tại: Số 59 đường Lê Quý Đ, phường Ia K, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Bà Bùi Thị Ánh L, sinh năm 1966; trú tại: Tổ 14, phường Hội P, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Bà Lê Thị O, sinh năm 1965; trú tại: Làng N, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1965; trú tại: Số 06 đường Phan Đình G, phường Hoa L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

5. Chị Lâm Thị Kim H, sinh năm 1981; trú tại: Số 51 đường Nguyễn Bá N, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Hồ Thị Thủy T, sinh năm 1961; trú tại: Thôn 2, xã Trà Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

2. Ông Thái Văn D, sinh năm 1960; trú tại: Làng N, phường Trà B, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Ông Lê Doãn V

Trú tại: Thôn 2, xã Trà Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:* Chị Thái Thị Thùy D-Người làm chứng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 12/7/2017 đến ngày 31/8/2017, tại địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai, bị cáo Trần Hồ Hoàng H đã thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 08 giờ 50 phút ngày 12/7/2017, bị cáo Trần Hồ Hoàng H điều khiển xe mô tô biển số 81F6-2132 đi dạo trên các tuyến đường ở thành phố P, với mục đích tìm ai đi trên đường có tài sản thì giật. Khi đi đến trước quán cà phê Vương Cát Trà ở đường Thống Nhất, phường Ia Kring, thành phố P, H nhìn thấy chị Châu Bảo H đang đứng trước quán, trên tay cầm 01 ví da. Hải điều khiển xe chạy đến ép sát bên phải của chị Hà, rồi dùng tay trái giật lấy chiếc ví, tăng ga điều khiển xe chạy thoát. Khi chạy đến đoạn đường vắng, H dừng xe lại mở ví kiểm tra bên trong có 2.500.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và 01 điện thoại di động bàn phím, đã cũ (không rõ nhãn hiệu). H lấy tiền rồi rút ví da cùng chiếc điện thoại vào bụi cây bên đường. Số tiền này, H đã mua ma túy sử dụng hết. Do không nhớ địa điểm nào mà H đã rút chiếc ví da cùng chiếc điện thoại nên không thu giữ được.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 22/7/2017, bị cáo Trần Hồ Hoàng H điều khiển xe mô tô biển số 81F6-2132 đi dạo trên các tuyến đường ở thành phố P, với mục đích tìm ai đi trên đường có tài sản thì giật. Khi chạy đến đường Nay Der, phường Phù Đồng, thành phố P, Hải thấy bà Bùi Thị Ánh L đứng trước sạp cá ở trước số nhà 49 đường Nay Der để mua cá, bên nách trái kẹp 01 chiếc túi xách. H dừng xe lại nhưng vẫn đề nổ máy và cách vị trí của bà L đứng khoảng 02 mét, rồi đi bộ đến phía sau lưng giật lấy chiếc ví của bà L. Sau đó, chạy đến xe mô tô để tẩu thoát thì bà L chạy theo chụp được tay và kéo Hải nhưng bà L bị Hải kéo đi khoảng 05 đến 06 mét thì bà L bị ngã xuống đường. Hải cầm chiếc túi xách giật mạnh làm tay bà L bung ra, rồi H cầm chiếc túi xách này chạy đến điều khiển xe chạy thoát ra đường Trần K, rồi tiếp tục đi

đến đoạn đường vắng ở khu vực xã Trà Đồi dừng lại. Tại đây, H mở túi xách thấy bên trong có chiếc ví da nữ, bên trong ví có 02 cục tiền mệnh giá loại 500.000 đồng, tổng cộng 10.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 chứng minh nhân dân; 01 đăng ký xe mô tô biển số 47B-913.81 và 01 bảo hiểm xe mô tô đều mang tên Bùi Thị Ánh L. Hải lấy tiền còn chiếc túi xách, ví da, chứng minh nhân dân, đăng ký xe mô tô và bảo hiểm xe mô tô thì H vứt vào bụi cây ven đường. Số tiền này, H đã mua ma túy sử dụng hết. Do không nhớ địa điểm nào mà H đã vứt chiếc túi xách cùng với các giấy tờ nên không thu giữ được. Do bị hại cũng không cung cấp được đặc điểm, chủng loại của chiếc túi xách đã bị chiếm đoạt nên không kết luận được giá trị.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 09 giờ ngày 29/7/2017, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 81F6-2132 đi dạo trên các tuyến đường ở thành phố P, với mục đích tìm ai đi trên đường có tài sản thì giật. Khi chạy đến đường Nơ Trang L, phường Trà B, thành phố P, thấy bà Lê Thị O và chị Thái Thị Thùy D là con của bà O đang đi bộ cùng chiều và dừng lại bên lề đường để mua hàng tại khu vực chợ tạm ở đường Nơ Trang L, trên tay bà O cầm chiếc ví da màu đỏ. Lúc này, H điều khiển xe ép gần bên trái bà O, dùng tay phải giật lấy chiếc ví da rồi tăng ga chạy thoát ra đường Trường C, sau đó chạy đến đoạn đường vắng ở thôn 6, xã Trà Đ, thành phố P thì dừng lại. Tại đây, H mở ví thấy bên trong có 27.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; 01 vòng đeo tay màu vàng; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị O, 01 chứng minh nhân dân mang tên Thái Văn D và 01 thẻ ATM do Ngân hàng đầu tư và phát triển chi nhánh Gia Lai phát hành mang tên Lê Thị O. Hải lấy tiền và chiếc vòng vàng, còn chiếc ví da và toàn bộ giấy tờ thì H vứt vào bụi cây ven đường. Do không nhớ địa điểm nào mà H đã vứt chiếc ví da cùng các giấy tờ nên không thu giữ được. Do bị hại không cung cấp được đặc điểm, chủng loại của chiếc ví da nên không kết luận được giá trị.

Vụ thứ bốn: Vào khoảng 08 giờ ngày 14/8/2017, bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 81F6-2132 đi dạo trên các tuyến đường ở thành phố P, với mục đích tìm ai đi trên đường có tài sản thì giật. Khi H đang điều khiển xe chạy trên đường Phan Đình G, phường Hoa L, thành phố P hướng từ đường Cách mạng tháng Tám ngã ba đường Phan Đình Gi - Nguyễn Tất T, thấy bà Vũ Thị N đang điều khiển xe mô tô chạy ngược chiều, trên cổ đeo dây chuyền vàng nên H quay xe lại chạy phía sau bà N một đoạn rồi tăng ga vượt lên ép sát bên phải bà N, dùng tay trái giật lấy sợi dây chuyền của bà N đang đeo trên cổ, rồi điều khiển xe chạy về nhà. Khi về đến nhà, H đưa sợi dây chuyền này cho mẹ của H là bà Hồ Thị Thủy T, H nhờ bà T đi bán. Sau đó, bà T đem sợi dây chuyền này đến tiệm vàng ở thành phố P (không nhớ tiệm nào) bán được 1.700.000 đồng, rồi bà T đưa lại cho H. Số tiền này, H đã mua ma túy sử dụng hết.

Qua định giá, kết luận: Sợi dây chuyền vàng 18K, dạng mắt xích nối với nhau, mặt dây chuyền có đính hạt đá màu đỏ, có giá trị 6.900.000 đồng.

Vụ thứ năm: Vào khoảng 13 giờ ngày 31/8/2017, bị cáo H tiếp tục điều khiển xe mô tô biển số 81F3-8028 đi dạo trên các tuyến đường ở thành phố P, với mục đích tìm ai đi trên đường có tài sản thì giật. Khi H đang điều khiển xe chạy trên đường Lương Đình C, Tổ 13, phường Hội P, thành phố P thì thấy chị Lâm Thị Kim H điều khiển xe mô tô biển số 81B1-554.39 chạy cùng chiều, có đeo 01 túi xách da màu đen trên gác chân phía trước nên H chạy theo sau xe của chị H. Lúc này, chị H dừng xe lại bên lề

đường phải để mua Sầu riêng nên H điều khiển xe chạy đến và dùng tay giật lấy chiếc túi xách rồi điều khiển xe chạy về nhà. Khi về nhà, H mở túi xách thấy bên trong có 4.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, 01 bằng lái xe mô tô, 01 chứng minh nhân dân, 01 đăng ký xe mô tô, 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank; 01 thẻ ATM Ngân hàng AGribank đều mang tên Lâm Thị Kim H và chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7. Hải lấy tiền và chiếc điện thoại, còn các giấy tờ và chiếc túi xách H vứt vào thùng rác của gia đình. Số tiền này, H đã mua ma túy sử dụng hết. Riêng chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7, Hải cất giấu vào trong tủ thờ nhà của H. Ngày 03/9/2017, Trần Hồ Hoàng H ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã thu giữ tại nhà Trần Hồ Hoàng H chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 và chiếc xe mô tô biển số 81F6- 2132.

Qua định giá, kết luận: Chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 có giá trị 15.500.000 đồng; chiếc ví da nữ, kích thước (10 x 20)cm, do không thu hồi được, không rõ chủng loại, mẫu mã nên không kết luận được giá trị. Sau khi định giá xong, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã trả lại cho chị Lâm Thị Kim H chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hồ Hoàng H đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên, bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không có ý kiến gì khác.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trần Hồ Hoàng H về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm c và d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đối với bị cáo Trần Hồ Hoàng H và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Đề nghị áp dụng Điểm c và d Khoản 2 Điều 171; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Trần Hồ Hoàng H với mức án từ 5 năm đến 5 năm 6 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Trần Hồ Hoàng H:

- Bồi thường cho bà Vũ Thị N số tiền 9.614.000 đồng (Chín triệu, sáu trăm, mười bốn nghìn đồng).

- Bồi thường cho bà Lê Thị O số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

- Bồi thường cho bà Bùi Thị Ánh L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Hồ Hoàng H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án: Bị cáo nhận thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng, phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ ngày 12/7/2017 đến ngày 31/8/2017, tại địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai, bị cáo Trần Hồ Hoàng H đã thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản. Tài sản chiếm đoạt gồm: 43.500.000đ tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ có giá trị 6.900.000đ; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 có giá trị 15.500.000đ của các bị hại Châu Bảo H, Bùi Thị Ánh L, Lê Thị O, Vũ Thị N và Lâm Thị Kim H. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Hồ Hoàng H đã chiếm đoạt là 65.900.000đ cùng 01 chiếc điện thoại, 01 vòng đeo tay là vàng giả, 02 chiếc ví da, 02 chiếc túi xách cùng một số giấy tờ không xác định được giá trị.

Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm”.

Hành vi giật tài sản của người khác rồi nhanh chóng tẩu thoát như đã nêu trên của bị cáo Trần Hồ Hoàng H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Hồ Hoàng H đã chiếm đoạt là 65.900.000 đồng; khi thực hiện hành vi giật tài sản, bị cáo H đã sử dụng xe mô tô, đây là thủ đoạn nguy hiểm nên hành vi của bị cáo đã phạm vào các tình tiết định khung, cụ thể là: “*Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” và “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” theo quy định tại các Điểm c và d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã truy tố là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mặc dù bị cáo Trần Hồ Hoàng H không có nghề nghiệp ổn định, chỉ phụ làm bánh kẹo cho gia đình anh Lê Doãn V và thực hiện 05 vụ cướp giật tài sản, nhưng bị cáo không lấy tiền do phạm tội mà có để làm nguồn sống chính nên hành vi của bị cáo không phạm vào tình tiết: “*Có tính chất chuyên nghiệp*”.

[3] Ngoài việc đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nêu trên thì cần phải xem xét những yếu tố liên quan đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và các yếu tố khác có liên quan nhằm xác định tội phạm và hình phạt, trên cơ sở xem xét đề nghị luận tội của cơ quan công tố, cụ thể:

Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tuy nhiên về nhân thân bị cáo đã từng bị xét xử về tội “Cướp giật tài sản”, cụ thể là ngày 29 tháng 9 năm 2006, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Tân P, thành phố Hồ Chí Minh xét xử và tuyên phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 đến ngày 25 tháng 10 năm 2007 được đặc xá ra trại về địa phương sinh sống.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện 05 vụ cướp nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại theo quy định Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và thể hiện thái độ ăn năn hối cải. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm S Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo đã đến cơ quan Công an đầu thú, được bị hại Lâm Thị Kim H xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do vậy Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt chính: Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu và các quyền khác về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự trị an xã hội. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Hồ Hoàng H đã chiếm đoạt là 65.900.000 đồng; khi thực hiện hành vi giật tài sản, bị cáo H đã sử dụng xe mô tô, đây là thủ đoạn nguy hiểm nên hành vi của bị cáo đã phạm vào các tình tiết định khung, cụ thể là: “*Chiếm đoạt tài sản có trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*”

và “*Dùng thủ đoạn nguy hiểm*” theo quy định tại các Điểm c và d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo còn có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, bị cáo phải bị xử lý nghiêm của pháp luật tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ tác dụng để trừng trị bị cáo và nhằm phòng ngừa chung đối với tội phạm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Hồ Hoàng H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan Công an đầu thú, được bị hại Lâm Thị Kim H xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử cũng sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, rèn luyện thành người có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, từ đó trở thành công dân có ích cho xã hội và thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại Khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng*”. Xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo rất khó khăn, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về dân sự:

- Trong quá trình điều tra chị Châu Bảo H yêu cầu bị cáo bồi thường với số tiền 12.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong đơn xin xét xử vắng mặt chị Hà đã nêu ý kiến là không yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho chị Hà. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Bà Vũ Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.614.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hồ Hoàng H đã đồng ý bồi thường cho bà Nga với số tiền trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này của đương sự và sự tự nguyện bồi thường của bị cáo.

- Trong quá trình điều tra, bị hại Lâm Thị Kim H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 9.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án chị Lâm Thị Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Hoa đã trình bày ý kiến là không yêu cầu bị cáo Trần Hồ Hoàng H phải bồi thường gì cho chị Hoa và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo đối với chị Lâm Thị Kim H.

- Bị hại Lê Thị O yêu cầu bị cáo bồi thường 60.000.000 đồng.

Xét ban đầu, bà Lê Thị O trình báo: Trong chiếc ví đã bị chiếm đoạt, ngoài số tiền 27.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì còn có 01 chiếc vòng đeo tay vàng 24K, trọng lượng 24 chỉ. Tuy nhiên, quá trình điều tra, ông Thái Văn D (chồng bà O) khai: Cách thời gian bà O bị chiếm đoạt khoảng 03 đến 04 năm (không nhớ năm cụ thể) chiếc vòng màu vàng nêu trên là do một người đàn ông ở tỉnh Quảng Ngãi (không rõ nhân thân, lai lịch) nợ tiền ông D nên đã thế chấp cho ông D và lấy 10.000.000 đồng, hẹn mười ngày sau người này đến trả tiền và lấy lại chiếc vòng, nhưng thời gian đã lâu không thấy người đàn ông này đến chuộc lại. Ông D không biết

đó là vàng giả hay vàng thật, trọng lượng bao nhiêu. Sau đó, ông Dũng đưa cho bà O sử dụng. Bà O sử dụng nhưng cũng không xác định được chiếc vòng đeo tay này là vàng thật hay vàng giả. Bị cáo Hải khai nhận: Sau khi chiếm đoạt chiếc vòng đeo tay của bà O, H đã đem đến tiệm vàng ở đường Hoàng Văn T, phường Diên H, thành phố P bán, nhưng chủ tiệm vàng xác định là vàng giả nên không mua. Sau đó, bị cáo H đã vứt chiếc vòng đeo tay này ở bên đường nhưng không nhớ địa điểm nào nên không thu giữ được. Do không thu giữ được chiếc vòng đeo tay này và bị hại cũng không xác định được đó là vàng giả hay vàng thật nên không có căn cứ để định giá. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận buộc bị cáo Trần Hồ Hoàng H phải bồi thường cho bà Lê Thị O số tiền 27.000.000 đồng.

-Bị hại Bùi Thị Ánh L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 25.000.000 đồng. Xét quá trình điều tra, bà Bùi Thị Ánh L khai báo: Trong chiếc túi xách mà bị cáo Trần Hồ Hoàng H đã chiếm đoạt có 25.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cùng với một số giấy tờ. Tuy nhiên, bị cáo H khai nhận bên trong chiếc túi xách chỉ có 10.000.000 đồng cùng với một số giấy tờ, cụ thể 01 chứng minh nhân dân; 01 đăng ký xe mô tô biển số 47B-913.81 và 01 bảo hiểm xe mô tô đều mang tên Bùi Thị Ánh L. Do không nhớ địa điểm nào mà Hải đã vứt chiếc túi xách cùng với các giấy tờ nên không thu giữ được. Bà L cũng không cung cấp được đặc điểm, chủng loại của chiếc túi xách đã bị chiếm đoạt nên không kết luận được giá trị. Do chỉ có lời khai của bà L mà không có chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Trần Hồ Hoàng H đã chiếm đoạt số tiền 25.000.000 đồng như bà L đã khai báo. Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận buộc bị cáo Trần Hồ Hoàng H phải bồi thường cho bà Bùi Thị Ánh L số tiền 10.000.000 đồng.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu LIPAN, mang biển số 81F6-2132, số máy: HD30002227, số khung: LF111030002537, là tài sản của anh Lê Doãn V (Anh rể của bị cáo Hải), việc bị cáo H sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi cướp giật tài sản anh V không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P không thu giữ nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu Honda (Dream), mang biển số 81F3-8082, số máy: 8058478, số khung: 8058478 là tài sản của anh Lê Doãn V, việc bị cáo H sử dụng chiếc xe này làm phương tiện đi cướp giật tài sản anh V không biết, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử lý vật chứng trả cho anh V nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus 64Gb, màu vàng là tài sản của chị Lâm Thị Kim H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã xử lý vật chứng trả lại cho chị Hoa nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Đối với 01 (Một) điện thoại di động không rõ nhãn hiệu, loại điện thoại bàn phím; 01 ví da màu xanh hiệu YSL; 01 túi xách da màu đen; 01 ví da màu đen; 01 ví bằng vải Simili màu đỏ; 01 vòng đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 túi xách da màu

đen bị cáo H đã vút trong quá trình điều tra không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[8] Về các vấn đề khác:

Về án phí: Bị cáo Trần Hồ Hoàng H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về con người, sự việc liên quan:

Đối với bà Hồ Thị Thủy T, là người đã đem sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 03 chỉ do bị cáo Trần Hồ Hoàng H chiếm đoạt của bà Vũ Thị N đi bán. Tuy nhiên, khi được H đưa sợi dây chuyền này và nhờ đi bán thì bà T không biết đó là tài sản do bị cáo H phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý đối với bà T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Quá trình điều tra, bị cáo Trần Hồ Hoàng H khai báo: Bị cáo đã sử dụng số tiền do phạm tội mà có để mua ma túy của người phụ nữ tên Thủy tại khu vực Quảng trường Đại Đoàn Kết, phường Tây S, thành phố P và đã sử dụng hết. Tuy nhiên, do H không biết đặc điểm nhân thân, lai lịch của T nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đang tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Hồ Hoàng H phạm tội “*Cướp giật tài sản*”.
2. Về hình phạt: Áp dụng Điểm c, d Khoản 2, Điều 171; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Hồ Hoàng H 05 (Năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 03/9/2017.

3. Về dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên buộc bị cáo Trần Hồ Hoàng H phải bồi thường cho các bị hại với số tiền cụ thể như sau:

- Bồi thường cho bà Vũ Thị N số tiền 9.614.000 đồng (Chín triệu, sáu trăm, mười bốn nghìn đồng).
- Bồi thường cho bà Lê Thị O số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).
- Bồi thường cho bà Bùi Thị Ánh L số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử buộc bị cáo Trần Hồ Hoàng H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.330.700đ (Hai triệu, ba trăm ba mươi nghìn, bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Lê Doãn V có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng đối với các bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Rmah HThuyên